

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2025/DS-ST
Ngày 08 - 8 - 2025
“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Tuấn Mạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Văn Đoan và ông Trần Văn Học

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Anh, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân nhân dân khu vực 10 - Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Lưu Hải Dương, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân nhân dân khu vực 10 - Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 11/2025/TLST- DS ngày 13 tháng 01 năm 2025, về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2025/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Bà Bùi Thị N, sinh năm 1975.

Nơi cư trú: TDP Đ, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Nay là: TDP Đ, xã S, tỉnh Tuyên Quang. “Vắng mặt”

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hoàng Thị Minh D, sinh năm 1984; địa chỉ: TDP Xuân Thượng 1, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Nay là TDP Xuân Thượng 1, phường Phúc Yên, tỉnh Phú Thọ.

Theo văn bản ủy quyền ngày 14/10/2024 “Có mặt”.

+ Bị đơn: Chị Ngô Thị Bích N1, sinh năm 1990.

Địa chỉ: TDP Tảo Phú, thị trấn Tam Hồng, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

Nay là: TDP Tảo Phú, xã Tam Hồng, tỉnh Phú Thọ. “Vắng mặt”

Người đại diện theo ủy quyền của chị N1 là: Ông Trần Văn L, sinh năm 1961; địa chỉ: Số C A, Nguyễn T, L, V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Nay là: Số C A, Đường N, phường V, tỉnh Phú Thọ.

Theo văn bản ủy quyền ngày 09/4/2025 “Vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 12 năm 2024 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Bùi Thị N trình bày:

Do có mối quen biết với chị Ngô Thị Bích N1 đi làm ăn trên tỉnh Tuyên Quang, nên bà N có cho chị N1 vay tổng số tiền là 170.000.000 đồng để làm ăn, sau đó chị N1 có trả được 100.000.000 đồng còn lại số tiền 70.000.000 đồng các bên có thống nhất viết giấy biên nhận vay tiền vào các ngày 12/10/2016 và ngày 04/11/2016. Do tin tưởng nhau nên trong giấy biên nhận vay tiền không ghi lãi suất, không ghi thời hạn trả, không có tài sản để đảm bảo cho khoản vay.

Quá trình vay thì chị N1 có trả được một phần lãi thông qua bà mẹ chồng là bà T1 do thời gian đã lâu nên không nhớ số tiền trả và thời gian trả. Sau đó chị N1 bỏ đi khỏi địa phương nên không đòi được. Bà N đã nhiều lần yêu cầu chị N1 trả tiền tuy nhiên chị N1 không trả.

Đến ngày 08/8/2025, chị N1 còn nợ bà N số tiền gốc là 70.000.000 đồng. Đối với lãi suất thì bà N không yêu cầu tính lãi. Nay bà N yêu cầu chị N1 trả ngay toàn bộ số tiền gốc còn lại là 70.000.000 đồng cho bà N. Không yêu cầu tính lãi.

Đại diện theo uỷ quyền của bị đơn chị Ngô Thị Bích N1 vắng mặt tại phiên toà, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Về quan hệ xã hội và số tiền vay theo giấy viết biên nhận vay tiền các ngày 12/10/2016 và ngày 04/11/2016 dương lịch với tổng số tiền 70.000.000 đồng là đúng. Không có ý kiến gì về các giấy biên nhận vay tiền, khoản vay trên không liên quan đến ai khác, không liên quan đến anh M là chồng chị N1.

Tuy nhiên, sau khi vay bị đơn đã nhiều lần trả gốc và lãi cho bà N thông qua bà T1 là mẹ chồng của chị N1, trả từ năm 2016 sau đó vài năm đã trả xong, tuy nhiên không có tài liệu, chứng cứ thể hiện việc trả này. Sau đó khoảng 03 năm bà N đã nhiều lần đòi tiền nhưng chị N1 không có khả năng để trả nợ.

Đối với các nội dung ghi phía mặt sau các giấy biên nhận vay tiền, đại diện của bị đơn đã được tiếp cận, đã xem tuy nhiên nội dung ghi không rõ ràng nên không đề nghị xem xét.

Nay bà N khởi kiện bị đơn không đồng ý trả bà N số tiền gốc là 70.000.000 đồng vì đã nhiều lần trả gốc và lãi; nay đồng ý trả bà N số tiền 50.000.000 đồng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc chị Ngô Thị Bích N1 phải trả bà Bùi Thị N số tiền gốc còn nợ là 70.000.000 đồng, không lãi suất. Chị N1 phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà Bùi Thị N có đơn khởi kiện đối với chị Ngô Thị Bích N1 trả bà N số tiền 70.000.000đồng (Bảy mươi triệu đồng) tiền gốc theo các giấy biên nhận vay tiền ngày 12/10/2016 và ngày 04/11/2016; chị N1 đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thị trấn T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc nay là xã T, tỉnh Phú Thọ. Do vậy, xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc nay là Toà án nhân dân khu vực 10 – Phú Thọ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; mục 2 điều 1 Luật số 85/2025 ngày 01/7/2025 của Quốc hội về sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự **và luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự.**

[2]. Về sự có mặt của đương sự: Ông Trần Văn L là đại diện theo uỷ quyền của bị đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung khởi kiện:

[3.1]. Đại diện của **nguyên đơn có mặt tại phiên tòa** và đại diện của bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều xác định: Vào các ngày 12/10/2016 và ngày 04/11/2016 dương lịch, bà N có cho chị N1 vay tổng số tiền là 70.000.000 đồng, không thoả thuận thời hạn trả nợ, không có lãi suất, không có tài sản để bảo đảm.

Đại diện của nguyên đơn cho rằng sau khi vay chị N1 có trả được một khoản tiền lãi, tuy nhiên do tin tưởng nên không viết giấy trả nợ. Chị N1 trả được khoảng 01 năm sau đó không trả nữa, số tiền trả bao nhiêu bà không nhớ. Sau khi chị N1 không trả bà có nhiều lần gọi điện, gặp trực tiếp để đòi tiền nhưng chị N1 không trả, sau đó chị N1 đi khỏi địa phương bà không gặp được. Đối với các chữ viết sau các giấy nhận nợ, bà không biết ai viết, nội dung không rõ ràng nên bà không yêu cầu Toà án xem xét. Nay bà N khởi kiện yêu cầu chị N1 trả bà tổng số tiền gốc là: 70.000.000đồng (Bảy mươi triệu đồng). Không yêu cầu trả lãi.

Đại diện của bị đơn quá trình giải quyết vụ án trình bày, sau khi vay số tiền 70.000.000 đồng của bà N, chị N1 đã sử dụng vào việc riêng, khoản vay trên không liên quan đến anh M là chồng của chị N1; hàng tháng có trả gốc và lãi cho bà N thông qua bà T1 là mẹ chồng của chị N1 tuy nhiên không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh việc trả trên; nên không đề nghị toà án triệu tập bà T1 tham gia tố tụng. Nay chị N1 không đồng ý trả lại số tiền gốc 70.000.000 đồng; chị N1 đồng ý trả bà N số tiền 50.000.000 đồng. Đại diện của nguyên đơn đề nghị nếu chị N1 trả ngay thì bà chỉ lấy số tiền là 60.000.000 đồng.

[3.2]. Hội đồng xét xử thấy, quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thừa nhận vào các ngày 12/10/2016 và ngày 04/11/2016 dương lịch bà N có cho chị

N1 vay tổng số tiền là 70.000.000 đồng không có thời hạn trả nợ, không có lãi suất và không có tài sản đảm bảo cho khoản vay, tuy nhiên bà N đã đòi nhiều lần nhưng chị N1 không trả được, Vì vậy bà N khởi kiện, các đương sự không có ý kiến gì về việc bà N khởi kiện.

Đại diện của bị đơn thừa nhận số tiền vay là 70.000.000 đồng tuy nhiên sau đó hàng tháng có trả gốc và lãi cho bà N thông qua bà T1 là mẹ chồng của chị N1 tuy nhiên không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh việc trả trên nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, có đủ cơ sở khẳng định, giữa bà Bùi Thị N và chị Ngô Thị Bích N1 xác lập giao dịch dân sự là hợp đồng vay tài sản không lãi suất, không có kỳ hạn nên phát sinh quyền và nghĩa vụ.

Tại khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự quy định:

“1. Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào, nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.

Đối số tiền gốc 70.000.000 đồng bà N cho chị N1 vay quá trình giải quyết vụ án các bên đều thừa nhận đã cho nhau vay số tiền này, đại diện bị đơn cho rằng sau khi vay đã trả gốc và lãi và đã trả hết tuy nhiên không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc đã trả và đại diện của nguyên đơn không thừa nhận; vì vậy yêu cầu của bà N buộc chị N1 trả bà số tiền trên là có căn cứ cần chấp nhận.

Đối với số tiền đã trả, các bên đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đều không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc đã trả tiền gốc và lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Bùi Thị N không phải nộp tiền án phí. Trả lại bà N tiền tạm ứng án phí đã nộp. Chị Ngô Thị Bích N1 phải nộp án dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

[5]. Về ý kiến của Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, cần xem xét khi quyết định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các **Điều 280, 463, 466, 469** Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị N.

Buộc chị Ngô Thị Bích N1 phải trả bà Bùi Thị N tổng số tiền gốc là 70.000.000đồng (Bốn mươi triệu đồng) theo các giấy biên nhận vay tiền ngày 12/10/2016 và ngày 04/11/2016, không lãi suất.

2. Chị Ngô Thị Bích N1 phải nộp 3.500.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả bà Bùi Thị N số tiền tạm ứng án phí là 1.750.000 đồng (Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp tại biên lai thu số 0003567 ngày 10/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền còn nợ thì còn phải trả tiền lãi theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND khu vực 10;
- Phòng THADS khu vực 10;
- Các đương sự;
- Lưu VP-HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Hoàng Tuấn Mạnh